

# KHẢO SÁT CÁC YẾU TỐ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO TỈNH QUẢNG TRỊ

- PGS. TS. Hà Nam Khánh Giao (\*) - ThS. Lê Quang Huy (\*) -  
ThS. Nguyễn Thị Cẩm Hồng (\*\*)

## Tóm tắt

*Nghiên cứu nhằm khám phá các nhân tố tác động đến việc thu hút vốn đầu tư vào tỉnh Quảng Trị, bằng việc khảo sát 109 nhà đầu tư hiện hữu và nhà đầu tư dự định đầu tư vào tỉnh. Thang đo điều chỉnh từ thang đo đầu tư của Nguyễn Mạnh Toàn [11], cùng với phương pháp phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA).*

*Kết quả cho thấy có 9 nhóm nhân tố tác động đến việc thu hút vốn đầu tư vào tỉnh Quảng Trị, trong đó 5 nhân tố được đánh giá trên mức trung bình: (1) quá trình ra quyết định liên quan đến thủ tục đầu tư, (2) chính sách hỗ trợ từ cơ quan quản lý liên quan đến nhà đầu tư, (3) cơ sở hạ tầng kỹ thuật, (4) tài nguyên, (5) cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, và 4 nhân tố được đánh giá dưới mức trung bình: (6) cơ sở hạ tầng xã hội, (7) tiềm năng thị trường, (8) lợi thế chi phí, (9) năng suất và tính kỷ luật lao động.*

*Keywords: tỉnh Quảng Trị, thu hút đầu tư, phân tích nhân tố khám phá.*

## 1. Tổng quan

Tỉnh Quảng Trị có nhiều lợi thế để phát triển đầu tư, từ hệ thống giao thông bao gồm cả đường bộ, đường sắt và đường thủy: Quốc lộ 1A, Đường Hồ Chí Minh, đường sắt chạy xuyên qua tỉnh theo hướng Bắc - Nam, Quốc lộ 9 gắn với Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo chạy theo hướng Đông - Tây, Khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo ở vị trí điểm đầu cầu của Việt Nam trên hành lang Kinh tế Đông - Tây (EWEC) gắn liền với Cửa khẩu quốc tế nối hai nước Việt Nam và Lào, Khu kinh tế biển Đông Nam với 75km chiều dài bờ biển đến hệ thống di tích lịch sử, văn hoá nổi tiếng của đất nước và thế giới...

Ngày 02/3/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 321/QĐ-TTg về "Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020". Theo đó, mục tiêu phát triển của tỉnh đến năm 2020 là đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, rút ngắn khoảng cách về thu nhập bình quân đầu người so với cả nước; từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, phát triển mạnh hệ thống đô thị, tạo động lực phát triển cho các vùng trong tỉnh; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế [7].

(\*) Trường ĐH Tài chính - Marketing.

(\*\*) Trung tâm Hướng nghiệp, dạy nghề và Giới thiệu việc làm thanh niên TP. HCM.

Lãnh đạo tỉnh Quảng Trị đã từng bước triển khai kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư như nâng cấp cơ sở hạ tầng, đào tạo lao động, cải cách thủ tục hành chính... Kết quả là chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh liên tục tăng, từ vị trí thứ 51 (năm 2008) lên 46 (năm 2009) và năm 2010 đạt vị trí thứ 16. Thế nhưng, kết quả của việc thu hút đầu tư chưa như mong muốn, các nhà đầu tư chưa thật sự chú trọng, chưa đặt hết niềm tin vào địa điểm đầu tư Quảng Trị, hay nói cách khác, môi trường đầu tư của tỉnh chưa thật sự thu hút các nhà đầu tư. Việc phát hiện những yếu tố nào thu hút các nhà đầu tư trở nên cần thiết.

## 2. Lý luận chung về đầu tư

Samuelson cho rằng: "Đầu tư là hoạt động tạo ra vốn tư bản thực sự, theo các dạng nhà ở, đầu tư vào tài sản cố định của doanh nghiệp như máy móc, thiết bị và nhà xưởng và tăng thêm hàng tồn kho. Đầu tư cũng có thể dưới dạng vô hình như giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nghiên cứu, phát minh..." [12]. Keynes cho rằng: "Đầu tư là hoạt động mua sắm tài sản cố định để tiến hành sản xuất hoặc có thể là mua tài sản tài chính để thu lợi nhuận"... "Khi một người mua hay đầu tư một tài sản, người đó mua quyền để được hưởng các khoản lợi ích trong tương lai mà người đó hy vọng có được qua việc bán sản phẩm mà tài sản đó tạo ra" [4]. Điều 3 Luật Đầu tư 2005: "Đầu tư là việc nhà đầu tư bỏ vốn bằng các loại tài sản hữu hình hoặc vô hình để hình thành tài sản tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan" [5].

Nguồn vốn đầu tư được chia thành 2 nguồn: (1) nguồn vốn đầu tư trong nước bao gồm vốn Nhà nước, vốn tín dụng, vốn của khu vực doanh nghiệp tư nhân và dân cư, chủ yếu được hình thành từ các nguồn tiết kiệm trong nền kinh tế, (2) nguồn vốn đầu tư nước ngoài được hình thành từ tiết kiệm của các chủ thể kinh tế nước ngoài và được huy động thông qua các hình thức cơ bản: Viện trợ phát triển chính thức (Official Development Assistance - ODA) là hình thức viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay vốn với những điều kiện đặc biệt ưu đãi giúp cho các nước gặp khó khăn về kinh tế, trong đó có các nước đang phát triển phục hồi tốc độ tăng trưởng kinh tế và gia tăng phúc lợi xã hội, đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment - FDI) là nguồn vốn do các nhà đầu tư nước ngoài đem vốn vào một nước để đầu tư trực tiếp bằng việc tạo lập những doanh nghiệp.

Agnieszka và Young sử dụng dữ liệu khảo sát và một mô hình logic đa thức cho thấy các nhân tố khuyến khích FDI vào Ba Lan: (1) tìm kiếm kiến thức, (2) tìm kiếm thị trường, (3) sự tích tụ, (4) tìm kiếm hiệu quả, (5) địa lý [1]. Na và Lightfoot nghiên cứu thấy các nhân tố ảnh hưởng đến sự mất cân đối trong phân bổ dòng vốn FDI vào các lãnh thổ của Trung Quốc là: (1) quy mô thị trường, (2) sự tích tụ, (3) chất lượng lao động, (4) chi phí lao động, (5) mức độ mở cửa và quá trình cải cách [6].

Kết quả nghiên cứu thực nghiệm dựa trên dữ liệu thứ cấp của Hoàng Thị Thu chỉ ra các nhân tố có tác động đến dòng vốn FDI vào một địa phương của Việt Nam: (1) quy mô thị trường, (2) tốc độ tăng trưởng của thị trường, (3) nguồn vốn nhân lực, (4) sự phát triển của cơ sở hạ tầng, (5) mức độ mở cửa, (6) địa lý, (7) nhân tố khác như chính sách kinh tế địa phương, chính sách khuyến khích đầu tư: các khu kinh tế trọng điểm [10]. Gần đây, công trình nghiên

cứu của Nguyễn Mạnh Toàn liệt kê các nhân tố sau đây tác động đến thu hút vốn đầu tư vào một địa phương ở Việt Nam: (1) nhóm động cơ về kinh tế: nhân tố thị trường và lợi thế về chi phí, (2) nhóm động cơ về tài nguyên: mức độ sẵn có và chất lượng của nguồn nhân lực; mức độ sẵn có và dồi dào của tài nguyên thiên nhiên; vị trí địa lý, (3) nhóm động cơ về cơ sở hạ tầng: cơ sở hạ tầng kỹ thuật bao gồm cơ sở hạ tầng giao thông và cơ sở hạ tầng dịch vụ hỗ trợ; ngoài ra, còn có cơ sở hạ tầng xã hội bao gồm hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe, hệ thống giáo dục và đào tạo, vui chơi giải trí và các dịch vụ khác, các giá trị đạo đức xã hội, phong tục tập quán, tôn giáo, văn hóa, (4) nhóm động cơ về chính sách: sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô, kết hợp với các ổn định về chính trị, chính sách mở cửa và nhất quán của địa phương [11].

### 3. Mô hình nghiên cứu thu hút vốn đầu tư vào tỉnh Quảng Trị

Kế thừa các nghiên cứu trong và ngoài nước, có xem xét đến thực tiễn của tỉnh Quảng Trị, nhóm nghiên cứu đề xuất các nhân tố tác động đến quyết định của nhà đầu tư đối với việc lựa chọn địa điểm đầu tư như bảng 1.

**Bảng 1. Các nhân tố tác động đến quyết định của nhà đầu tư đối với việc lựa chọn địa điểm đầu tư**

Các nhân tố tác động	Biến giải thích	
Nhân tố kinh tế	Tiềm năng thị trường	Quy mô thị trường
		Tốc độ tăng trưởng của thị trường
		Khả năng mở rộng thị trường
		Tiềm năng lợi nhuận
	Lợi thế về chi phí	Chi phí lao động
		Chi phí vận tải
		Chi phí nguyên liệu
		Chi phí sử dụng đất, mặt bằng
		Chi phí sử dụng năng lượng
		Chi phí nghiên cứu, thăm dò
Nhân tố tài nguyên	Mức độ sẵn có của nguồn nhân lực	Lao động phổ thông
		Lao động có tay nghề
		Nhân lực quản trị
		Tính kỷ luật và thái độ làm việc
		Năng suất lao động
	Mức độ sẵn có của tài nguyên thiên nhiên	Gỗ
		Thủy sản
		Hải sản

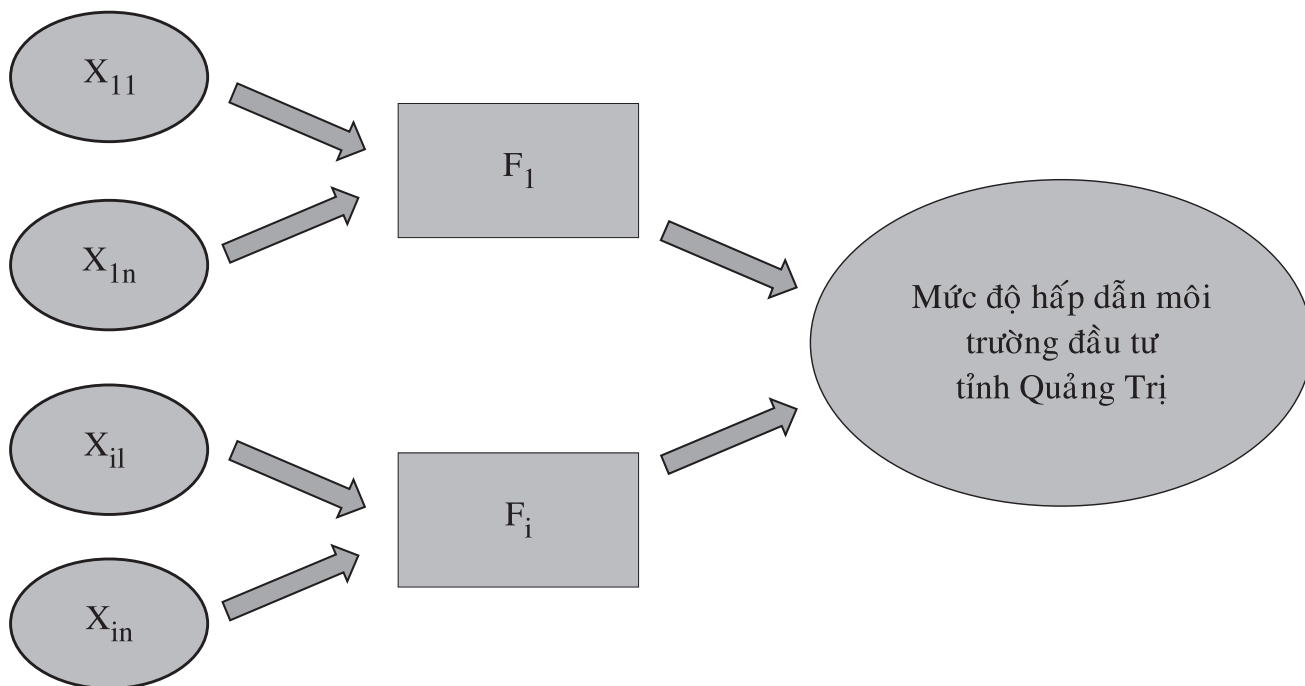
		Nông sản	
		Khoáng sản	
		Biển, sông ngòi và cảnh quan	
	Vị trí địa lý	Thuận lợi cho hoạt động kinh doanh	
		Thuận lợi cho thiết lập kênh phân phối	
Nhân tố cơ sở hạ tầng	Cơ sở hạ tầng kỹ thuật	Tính hiệu quả của đường bộ	
		Tính hiệu quả của đường thủy	
		Tính hiệu quả của đường sắt	
		Tính hiệu quả của dịch vụ thông tin liên lạc, bưu điện	
		Tính hiệu quả của dịch vụ truyền tải dữ liệu	
		Mức độ hấp dẫn của các khu công nghiệp/khu kinh tế - thương mại	
		Mức độ sẵn có của hệ thống cung cấp điện	
		Mức độ sẵn có của hệ thống tài chính - ngân hàng	
		Mức độ sẵn có của hệ thống cung cấp điện	
		Mức độ sẵn có của dịch vụ hỗ trợ (tư vấn pháp lý, tư vấn kinh tế...)	
	Cơ sở hạ tầng xã hội	Mức độ sẵn có của giáo dục và đào tạo	
		Mức độ sẵn có của hoạt động chăm sóc sức khỏe	
		Mức độ sẵn có của dịch vụ giải trí, vui chơi	
	Nhân tố chính sách	Nhân tố hỗ trợ	Quá trình cơ quan nhà nước ra quyết định cấp phép đầu tư
			Thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư
Hỗ trợ về thông tin			
Hỗ trợ các vấn đề về cơ sở hạ tầng			
Nhân tố ưu đãi		Mức độ hấp dẫn từ ưu đãi thuế	
Nhân tố ổn định		Mức độ ổn định, ít có sự thay đổi về chính sách liên quan đến đầu tư, môi trường kinh doanh	

*Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất*

Để tìm ra các nhân tố thực sự tác động đến việc lựa chọn đầu tư vào tỉnh Quảng Trị của các nhà đầu tư, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp Phân tích nhân tố khám phá (EFA), mô hình nghiên cứu được thể hiện thông qua Hình 1, với:

$X_{11}, \dots, X_{in}$ : là các biến giải thích cho các nhân tố.

$F_1, \dots, F_i$ : là các nhân tố tác động đến mức độ hấp dẫn môi trường đầu tư Quảng Trị.



**Hình 1. Sơ đồ mô phỏng các nhân tố tác động đến mức độ hấp dẫn đầu tư của tỉnh Quảng Trị**

**4. Phân tích dữ liệu khảo sát thực tế**

**4.1. Mẫu khảo sát**

Đối tượng khảo sát là các nhà đầu tư đã, đang và sẽ đầu tư vào tỉnh Quảng Trị, theo phương pháp thuận tiện [8]. Số bảng trả lời thu thập sử dụng được là 109, đủ tiêu chuẩn số lượng để tiến hành phân tích nhân tố [2], kết quả phân bố mẫu được trình bày trong bảng 2, theo đó, có 55 bảng trả lời là các nhà đầu tư hiện hữu tại tỉnh Quảng Trị, trong đó 3 là các doanh nghiệp FDI đang có dự án đầu tư tại tỉnh Quảng Trị. Bên cạnh đó, 54 bảng trả lời là các nhà đầu tư đang tìm hiểu về tỉnh Quảng Trị trước khi đưa ra quyết định đầu tư, trong đó, 23 bảng trả lời là các doanh nghiệp nước ngoài, 31 bảng trả lời là các doanh nghiệp trong nước.

**Bảng 2. Kết quả phân bố mẫu**

Nơi cấp phép đầu tư - kinh doanh	Lĩnh vực hoạt động			Tổng
	1. Công nghiệp/sản xuất	2. Nông nghiệp/lâm nghiệp/thủy sản	3. Dịch vụ-thương mại	
Bà Rịa – Vũng Tàu	0	0	1	1
Bình Dương	1	0	1	2
Trung Quốc	6	0	1	7

Đồng Nai	1	0	0	1
Hà Nội	1	0	3	4
Hồ Chí Minh	7	1	13	21
Hồng Kông	1	0	0	1
Huế	0	0	1	1
Nhật Bản	1	0	1	2
Hàn Quốc	0	0	4	4
Long An	0	1	0	1
Nepal	0	0	1	1
Pakistan	0	0	1	1
Quảng Trị	11	3	41	55
Thụy Điển	0	0	1	1
Đài Loan	1	0	0	1
Thái Lan	3	0	2	5
Tổng cộng	33	5	71	109

#### 4.2. Đánh giá độ tin cậy và giá trị thang đo

Độ tin cậy và giá trị thang đo được đánh giá thông qua hệ số tin cậy Cronbach's Alpha và hệ số tương quan biến - tổng, theo đó, các biến có tương quan biến - tổng nhỏ hơn 0.33 được xem là biến rác và bị loại; thang đo được chấp nhận khi hệ số tin cậy Cronbach's Alpha lớn hơn 0.6 [2].

Thang đo về *mức độ ưu tiên* đối với các yếu tố tác động đến nhà đầu tư khi lựa chọn địa điểm đầu tư tại Việt Nam có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha  $0.665 > 0.6$  nên có tin cậy. Hệ số tương quan biến - tổng cho thấy độ tin cậy theo thành phần các yếu tố tác động đến nhà đầu tư tại Việt Nam có khác nhau. Tuy nhiên, hệ số tương quan biến - tổng đã điều chỉnh về *mức độ ưu tiên đối với tiềm năng thị trường Việt Nam*, mức độ ưu tiên về nguồn nhân lực nhỏ hơn 0.33, nên những biến này bị loại khỏi phân tích về nhân tố cũng như thống kê mô tả tiếp theo.

Thang đo về *tiềm năng thị trường* của Quảng Trị có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha  $0.836 > 0.6$  nên có tin cậy. Hệ số tương quan biến - tổng cho thấy độ tin cậy theo thành phần đo lường tiềm năng thị trường của Quảng Trị có ý nghĩa.

Thang đo về *lợi thế chi phí* của Quảng Trị có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha  $0.734 > 0.6$  nên có tin cậy. Tuy nhiên, phải loại biến *chi phí sử dụng đất, mặt bằng* (vì hệ số tương quan biến - tổng đã điều chỉnh là  $0.29 < 0.33$ ).

Thang đo về *nguồn nhân lực* của Quảng Trị có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha  $0.682 >$

0.6 nên có tin cậy. Tuy nhiên, phải loại biến *lao động phổ thông* (vì hệ số tương quan biến - tổng đã điều chỉnh khá nhỏ  $0.168 < 0.33$ ).

Thang đo về *nguồn tài nguyên thiên nhiên* của Quảng Trị có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha  $0.759 > 0.6$  nên có ý nghĩa để tiếp tục phân tích. Tuy nhiên, phải loại biến *tài nguyên biển, sông ngòi, cảnh quan* (vì hệ số tương quan biến - tổng đã điều chỉnh nhỏ hơn 0.33), các biến còn lại đều giữ lại để phân tích.

Thang đo về *vị trí địa lý* của Quảng Trị không có ý nghĩa vì hệ số Cronbach's Alpha thấp ( $0.494 < 0.6$ ), nên loại bỏ biến này khỏi quá trình phân tích tiếp theo.

Thang đo về *cơ sở hạ tầng kỹ thuật* của Quảng Trị có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha  $0.805 > 0.6$  nên có ý nghĩa để tiếp tục phân tích. Hệ số tương quan biến - tổng cho thấy độ tin cậy theo thành phần đo lường *cơ sở hạ tầng kỹ thuật* của Quảng Trị có ý nghĩa.

Thang đo về *cơ sở hạ tầng xã hội* của Quảng Trị có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha  $0.762 > 0.6$  nên có ý nghĩa để tiếp tục phân tích. Tuy nhiên, phải loại biến *chất lượng hệ thống cung cấp năng lượng và chất lượng hệ thống tài chính, ngân hàng*.

Thang đo về các chính sách khuyến khích, hỗ trợ của Quảng Trị có hệ số tin cậy Cronbach's Alpha  $0.731 > 0.6$  nên có ý nghĩa để tiếp tục phân tích. Tuy nhiên, phải loại các biến *ra quyết định không có kinh nghiệm, ra quyết định khách quan, ra quyết định hữu ích, mức độ nhận được sự hỗ trợ từ chính quyền*.

#### 4.3. Phân tích nhân tố khám phá đánh giá của nhà đầu tư về các nhân tố tác động đến việc lựa chọn đầu tư tại Quảng Trị

Phân tích nhân tố khám phá (EFA) 3 lần, với phép quay Varimax, hệ số tải nhân tố thấp nhất là 0.6, chấp nhận được [2], kết quả hệ số KMO 0.677, rút gọn lại được 9 nhóm nhân tố (bảng 3).

**Bảng 3. Danh sách các nhóm nhân tố tác động việc lựa chọn địa điểm của các nhà đầu tư đối với Quảng Trị**

Nhóm nhân tố	Biến độc lập
Cơ sở hạ tầng xã hội	Chất lượng dịch vụ giải trí, vui chơi Chất lượng giáo dục, đào tạo Chất lượng dịch vụ hỗ trợ Chất lượng chăm sóc sức khỏe
Quá trình ra quyết định liên quan đến thủ tục đầu tư	Ra quyết định quan liêu Ra quyết định không công bằng Ra quyết định không rõ ràng trong trách nhiệm Ra quyết định quá bảo thủ
Chính sách hỗ trợ từ Cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến đầu tư	Mức độ hỗ trợ thông tin Mức độ hỗ trợ cơ sở hạ tầng Mức độ thủ tục hành chính

	Mức độ chính sách ưu đãi thuế
Tiềm năng thị trường	Khả năng mở rộng thị trường Quảng Trị Tiềm năng lợi nhuận ở Quảng Trị Tốc độ phát triển thị trường ở Quảng Trị Quy mô thị trường ở Quảng Trị
Cơ sở hạ tầng kỹ thuật	Chất lượng dịch vụ thông tin bưu điện Chất lượng dịch vụ truyền tải dữ liệu Chất lượng đường sắt Chất lượng đường bộ
Tài nguyên	Tài nguyên thủy sản Tài nguyên hải sản
Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế	Cơ sở hạ tầng Khu kinh tế Lao Bảo Cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Nam Đông Hà
Lợi thế chi phí	Chi phí sử dụng năng lượng Chi phí nghiên cứu thăm dò Chi phí vận tải
Năng suất và tính kỷ luật lao động	Tính kỷ luật lao động Năng suất lao động

#### 4.4. Phân tích thống kê mô tả đánh giá của nhà đầu tư về các nhân tố tác động đến việc lựa chọn đầu tư tại Quảng Trị

Việc phân tích đánh giá của nhà đầu tư đối với các nhân tố tác động đến việc lựa chọn đầu tư tại Quảng Trị được thể hiện bằng khuynh hướng tập trung (trung bình - Mean) và độ phân tán (độ lệch chuẩn - Standard deviation) của từng biến quan sát (bảng 4).

Trong 9 nhóm nhân tố, có 5 nhóm nhân tố được đánh giá trên mức trung bình (mean lớn hơn 3.0): *quá trình ra quyết định liên quan đến thủ tục đầu tư, chính sách hỗ trợ từ cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến đầu tư, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, tài nguyên, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế*. Điều này cho thấy nhà đầu tư đánh giá khá cao các yếu tố thuộc về các quyết định liên quan đến thủ tục hành chính, cũng như những chính sách ưu đãi và sự hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật của tỉnh Quảng Trị.

**Bảng 4. Kết quả thống kê mô tả các nhân tố tác động đến việc lựa chọn địa điểm của các nhà đầu tư đối với Quảng Trị**

	N	Mean	Std. Deviation
Chất lượng dịch vụ giải trí, vui chơi	109	2.03	0.866
Chất lượng giáo dục, đào tạo	109	2.64	0.856
Chất lượng dịch vụ hỗ trợ	108	2.42	0.939
Chất lượng chăm sóc sức khỏe	109	2.50	0.728



Ra quyết định quan liêu	108	3.24	0.936
Ra quyết định không công bằng	109	3.12	0.825
Ra quyết định không rõ ràng trong trách nhiệm	109	3.19	0.876
Ra quyết định quá bảo thủ	109	3.10	0.912
Mức độ hỗ trợ thông tin	109	3.64	0.845
Mức độ hỗ trợ cơ sở hạ tầng	109	3.70	0.866
Mức độ thủ tục hành chính thuận tiện	109	3.66	0.841
Mức độ chính sách ưu đãi thuế	109	4.15	0.911
Khả năng mở rộng thị trường của Quảng Trị	109	2.92	0.873
Tiềm năng lợi nhuận của Quảng Trị	108	2.78	0.801
Tốc độ phát triển thị trường của Quảng Trị	109	2.61	0.757
Quy mô thị trường của Quảng Trị	109	2.64	0.822
Chất lượng dịch vụ thông tin, bưu điện	109	3.67	0.828
Chất lượng dịch vụ truyền tải dữ liệu	109	3.71	0.820
Chất lượng đường sắt	109	3.43	0.917
Chất lượng đường bộ	109	3.36	0.877
Tài nguyên thủy sản	109	3.06	0.773
Tài nguyên hải sản	109	3.08	0.829
Cơ sở hạ tầng Khu kinh tế Lao Bảo	109	3.66	0.683
Cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Nam Đông Hà	109	3.40	0.682
Chi phí sử dụng năng lượng	109	2.91	0.811
Chi phí nghiên cứu, thăm dò	109	2.94	0.941
Chi phí vận tải ở Quảng Trị	109	2.75	1.029
Tính kỷ luật, thái độ làm việc	109	2.75	0.852
Năng suất lao động	109	2.94	0.761

#### 4.4.1. Nhóm nhân tố "cơ sở hạ tầng xã hội"

Nhân tố *cơ sở hạ tầng xã hội* bao gồm 4 biến quan sát với mức giá trị trung bình dao động từ 2.03 (*chất lượng dịch vụ giải trí, vui chơi*) đến 2.64 (*chất lượng giáo dục, đào tạo*). Tổng quan, có thể thấy nhà đầu tư đánh giá khá thấp cơ sở hạ tầng xã hội của tỉnh Quảng Trị. Để tăng khả năng thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp, tỉnh Quảng Trị cần chú ý phát triển

và nâng cao chất lượng của dịch vụ giải trí - vui chơi, chất lượng của giáo dục và đào tạo, chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ và chất lượng chăm sóc sức khỏe.

#### 4.4.2. Nhóm nhân tố "quá trình ra quyết định liên quan đến thủ tục đầu tư"

Giá trị trung bình của các biến quan sát trong nhân tố này đều ở mức trên trung bình, nằm trong khoảng từ 3.10 (*ra quyết định quá bảo thủ*) đến 3.24 (*ra quyết định quan liêu*). Hai biến quan sát còn lại trong nhân tố là: *ra quyết định không công bằng* (mean 3.12) và *ra quyết định không rõ ràng trong trách nhiệm* (mean 3.19). Có thể thấy nhà đầu tư vẫn chưa hài lòng với quá trình ra quyết định thủ tục đầu tư.

#### 4.4.3. Nhóm nhân tố "chính sách hỗ trợ từ cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến đầu tư"

Nhân tố *chính sách hỗ trợ từ cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến đầu tư* bao gồm 4 biến quan sát với mức giá trị trung bình dao động từ 3.64 (*mức độ hỗ trợ thông tin*) đến 4.15 (*mức độ chính sách ưu đãi thuế*). Tổng quan, có thể thấy nhà đầu tư khá hài lòng với nhân tố *chính sách hỗ trợ từ cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến đầu tư* của tỉnh Quảng Trị. Để tăng khả năng thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp hơn nữa, tỉnh Quảng Trị cần chú ý đến việc cải thiện quy trình thủ tục hành chính cho thuận tiện hơn, cũng như tăng cường hỗ trợ cho doanh nghiệp khi cần tìm kiếm thông tin đầu tư về tỉnh Quảng Trị.

#### 4.4.4. Nhóm nhân tố "tiềm năng thị trường"

Nhân tố *tiềm năng thị trường* bao gồm 4 biến quan sát với mức giá trị trung bình dao động từ 2.61 (*tốc độ phát triển thị trường của Quảng Trị*) đến 2.92 (*khả năng mở rộng thị trường của Quảng Trị*). Tổng quan, có thể thấy nhà đầu tư đánh giá khá thấp tiềm năng thị trường của tỉnh Quảng Trị. Dù tốc độ phát triển và quy mô của tỉnh chưa thật sự hấp dẫn nhưng trong 4 biến quan sát, biến đánh giá về *khả năng mở rộng thị trường* và *tiềm năng lợi nhuận khi đầu tư vào tỉnh Quảng Trị* có giá trị trung bình cao hơn hẳn. Điều này chứng tỏ thị trường Quảng Trị vẫn có sức hút, vẫn tạo được niềm tin cho doanh nghiệp khi quyết định đầu tư vào đây. Để tăng khả năng thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp, tỉnh Quảng Trị cần chú ý phát triển toàn diện để nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

#### 4.4.5. Nhóm nhân tố "cơ sở hạ tầng kỹ thuật"

Nhân tố *cơ sở hạ tầng kỹ thuật* bao gồm 4 biến quan sát với mức giá trị trung bình dao động từ 3.36 (*chất lượng đường bộ*) đến 3.71 (*chất lượng dịch vụ truyền tải dữ liệu*). Tổng quan có thể thấy nhà đầu tư đánh giá nhân tố cơ sở hạ tầng kỹ thuật của tỉnh Quảng Trị ở mức trung bình khá. Để tăng khả năng thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp hơn nữa, tỉnh Quảng Trị cần chú ý đến chất lượng của hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt; cũng như chất lượng của hệ thống bưu điện, đường truyền internet, và các hệ thống truyền tin khác.

#### 4.4.6. Nhóm nhân tố "tài nguyên"

Giá trị trung bình của 2 biến quan sát trong nhân tố này đều ở mức trung bình, nằm trong khoảng từ 3.06 (*tài nguyên thủy sản*) đến 3.08 (*tài nguyên hải sản*). Như vậy, trong hướng thu hút vốn đầu tư sắp tới, tỉnh Quảng Trị cần khai thác có kế hoạch 2 nguồn tài nguyên này.

Theo đánh giá của nhà đầu tư, đây thật sự là tiềm năng và là lợi thế của tỉnh Quảng Trị khi kêu gọi nhà đầu tư.

#### 4.4.7. Nhóm nhân tố "*cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế*"

Giá trị trung bình của 2 biến quan sát trong nhân tố này đều ở mức trung bình khá. *Cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Nam Đông Hà* (mean 3.40), và biến *cơ sở hạ tầng Khu kinh tế Lao Bảo* (mean 3.66). Điều này cho thấy nhà đầu tư đặc biệt quan tâm đến 2 khu vực này. Như vậy, trong hướng thu hút vốn đầu tư sắp tới, tỉnh Quảng Trị cần triển khai kế hoạch quy hoạch lại để tăng thêm sức hút cho khu vực, góp phần gia tăng tỉ lệ lấp đầy cho từng khu vực.

#### 4.4.8. Nhóm nhân tố "*lợi thế chi phí*"

Nhân tố *lợi thế chi phí* bao gồm 3 biến quan sát với mức giá trị trung bình thấp. *Chi phí vận tải* có mean là 2.75; *chi phí sử dụng năng lượng* với giá trị mean là 2.91; và biến *chi phí nghiên cứu, thăm dò* có mean là 2.94. Ba mức giá trị trung bình thể hiện chi phí tại tỉnh Quảng Trị chưa là lợi thế của tỉnh khi kêu gọi đầu tư. Để nhân tố chi phí trở thành lợi thế của tỉnh khi thu hút đầu tư, tỉnh Quảng Trị cần chú ý đến các yếu tố có liên quan nhằm tiết kiệm được những khoản phí trong vận tải, năng lượng, nghiên cứu, thăm dò, đưa những yếu tố chưa là lợi thế của tỉnh dần trở thành thế mạnh của tỉnh trong tương lai.

#### 4.4.9. Nhóm nhân tố "*năng suất và tính kỷ luật lao động*"

Mean của 2 biến quan sát trong nhân tố này đều ở mức dưới trung bình: mean của biến *tính kỷ luật, thái độ làm việc của người lao động* chỉ đạt 2.75; mean của biến *năng suất lao động* đạt 2.94. Khi đầu tư, các doanh nghiệp quan tâm đến tính kỷ luật, thái độ làm việc cũng như năng suất làm việc của người lao động tại địa phương. Nhân tố *năng suất và tính kỷ luật lao động* là một trong những nhân tố quan trọng hàng đầu ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp. Vì thế, việc nâng cao năng suất và tính kỷ luật của người lao động không những giúp tỉnh Quảng Trị trở thành tâm ngấm của nhà đầu tư mà về lâu dài, sự thay đổi theo chiều hướng tốt này còn thể hiện giá trị nhân văn khi nhắc về tỉnh Quảng Trị.

## 5. Kết luận

Thông qua khảo sát, vận dụng phương pháp phân tích các nhân tố khám phá, đề tài đã tìm ra 9 nhân tố có tác động đến việc thu hút các nhà đầu tư, đó là: *cơ sở hạ tầng xã hội; quá trình ra quyết định liên quan đến thủ tục đầu tư; chính sách hỗ trợ từ cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến đầu tư; tiềm năng thị trường; cơ sở hạ tầng kỹ thuật; tài nguyên; cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế; lợi thế chi phí; năng suất và tính kỷ luật lao động*. Dựa vào đây, tỉnh Quảng Trị có thể điều chỉnh sự tác động của các nhân tố thông qua các chính sách mới để nâng cao hoạt động thu hút vốn đầu tư vào tỉnh.

Đề tài không tránh khỏi những hạn chế nhất định, đặc biệt số doanh nghiệp được khảo sát và trả lời giới hạn, chưa bao quát được hết mọi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh cũng như hình thức kinh doanh. Những hạn chế này cũng là gợi ý cho các đề tài nghiên cứu tiếp theo, có thể bao gồm những đề tài nghiên cứu với số lượng mẫu lớn, bao quát 3 khu vực kinh tế: công nghiệp và xây dựng, nông lâm thủy hải sản, thương mại - dịch vụ.../.

### Tài liệu tham khảo

- [1]. Agnieszka Chidlow and Stephen Young (2008), *Regional Determinants of FDI Distribution in Poland*, William Davidson Institute, The University of Michigan.
- [2]. Hair Joseph F. et al (2009), *Multivariate Data analysis*, Pearson.
- [3]. Imad A. Moosa (2002), *Foreign Direct Investment, Theory - Evident and practice*, Palgrave.
- [4]. Keynes John Maynard (1994), *Lý thuyết tổng quát về Việc làm, Lãi suất và Tiền tệ*, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội.
- [5]. Luật Đầu tư năm 2005, *Quyết định số 59/2005/QH11* của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- [6]. Na Lv & W.S. Lightfoot (2006), "Determinants of foreign direct investment at the regional level in China", *Journal of Technology Management in China*, Vol. 1 No. 3, pp. 262-278.
- [7]. Quyết định 321/QĐ-TTg về "Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020", ban hành ngày ngày 02 tháng 03 năm 2011.
- [8]. Quyết định 1099/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị về "Quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị", ban hành ngày 8 tháng 6 năm 2009.
- [9]. Nguyễn Đình Thọ và Nguyễn Thị Mai Trang (2007), *Nghiên cứu thị trường*, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia TP HCM.
- [10]. Hoàng Thị Thu (2008), *Regional determinants of foreign direct investment inflows in Vietnam*, PhD Dissertation, Faculty of Economics, Chulalongkorn University, Thailand.
- [11]. Nguyễn Mạnh Toàn (2010), "Các nhân tố tác động đến việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào một địa phương của Việt Nam", *Tạp chí khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng - Số 5(40)*, 270-276.
- [12]. Samuelson Paul A. (1983), *Foundations of Economic Analysis*, Harvard University Press.

### Summary

This study aims to examine the factors impacting the attraction of capital investments into Quang Tri province, by surveying 109 ongoing and future investors by using the tool of Nguyen Manh Toan's scale (2010), the Cronbach's Alpha, and EFA.

The result of this study shows that there are 9 factors impacting the attraction of capital investments into Quang Tri province, 5 of them are evaluated over the average: (1) The decision making process which connected to the investment procedures, (2) The authorized offices' policies to support the investors, (3) The technological infrastructures, (4) The natural resources, (5) The infrastructure of the industrial parks, economic zones; and the rest 4 are evaluated under the average: (6) The social infrastructures, (7) The market potential, (8) The cost advantages, (9) The labour productivity and the working discipline.

Ngày nhận bài: 17/5/2013; Ngày nhận đăng: 23/6/2013.